

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 09-9-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Kim Thu;

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị NTA, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Anh NHT, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn chị NTA có đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh NHT được ly hôn và trình bày:

Chị và anh NHT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Thuận vào ngày 27 tháng 8 năm 2019. Quá trình chung sống thời gian đầu chị và anh NHT hạnh phúc. Đến cuối năm 2019 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan

điểm sống. Cũng từ đầu năm 2020 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau ai muốn sống ra sao thì sống. Bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh NHT và không có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, chị NTA làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh NHT.

Về con chung: Chị NTA và anh NHT không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị NTA không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị NTA không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là anh NHT đã biết việc chị NTA xin ly hôn với anh, tuy nhiên anh NHT không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Bởi vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh NHT.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình hai bên thể hiện: Mâu thuẫn giữa anh NHT và chị NTA là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, mặt khác do tìm hiểu nhau vội vàng lại không có con chung nên tình cảm ngày càng xa cách. Từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Gia đình hai bên cũng đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Địa phương và gia đình hai bên đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị NTA vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án, chị NTA giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào các điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị NTA được ly hôn anh NHT. Về con chung: Anh chị không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về các vấn đề khác: Chị NTA không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí

dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại số D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTA và anh NHT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi anh NHT cư trú thấy quá trình chung sống giữa chị NTA và anh NHT có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, hôn nhân không có con chung nên càng xa cách. Từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa hai người là có thật. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị NTA đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, chị không còn tình cảm gì với anh NHT, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị NTA là cần thiết, bảo đảm quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị NTA và anh NHT không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị NTA không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Bị đơn anh NHT mặc dù đã được Tòa án yêu cầu trình bày về việc giải quyết tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nên không có ý kiến. Như vậy các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về các vấn đề khác: Chị NTA không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị NTA phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị NTA được ly hôn anh NHT.
2. Về con chung: Chị NTA và anh NHT không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.
3. Về tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.
4. Về các vấn đề khác: Chị NTA không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.
5. Về án phí: Chị NTA phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009641, ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị NTA đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Phương**